

BẢNG TỔNG HỢP THEO DÕI SỰ PHÁT TRIỂN CỦA TRẺ LẦN II

NĂM HỌC 2024-2025

Các lĩnh vực giáo dục		Lớp	Khối 5 tuổi							Lớp	Khối 4 tuổi						
			Đánh giá cuối kỳ 2 (lần 2)								Đánh giá cuối kỳ 2 (lần 2)						
			T.số trẻ được đánh giá	T.số trẻ "Đạt"		T.số trẻ "Cần cố gắng"		T.số trẻ "Chưa Đạt"			T.số trẻ được đánh giá	T.số trẻ "Đạt"		T.số trẻ "Cần cố gắng"		T.số trẻ "Chưa Đạt"	
				SL	%	SL	%	SL	%			SL	%	SL	%	SL	%
-	Đánh giá chung về mức độ phát triển ở lĩnh vực thể chất	A1	27	26	96.3%	1	3.7%	0	0%	B1	31	30	97%	1	3%	0	0%
		A2	37	35	94.6%	2	5.4%	0	0%	B2	37	36	97%	1	3%	0	0%
		A3	33	32	97.0%	1	3.0%	0	0%	B3	27	25	93%	2	7%	0	0%
		A4	39	35	89.7%	4	10.3%	0	0%	B4	28	27	96%	1	4%	0	0%
		Cộng tổng	136	128	94.1%	8	5.9%	0	0%	Cộng tổng	123	118	96%	5	4%	0	0%
-	Đánh giá chung về mức độ phát triển ở lĩnh vực nhận thức	A1	27	26	96.3%	1	3.7%	0	0%	B1	31	29	94%	2	6%	0	0%
		A2	37	33	89.2%	4	11%	0	0%	B2	37	35	95%	2	5%	0	0%
		A3	33	31	93.9%	2	6.1%	0	0%	B3	27	25	93%	2	7%	0	0%
		A4	39	37	94.9%	2	5.1%	0	0%	B4	28	26	93%	2	7%	0	0%
		Cộng tổng	136	127	93.4%	9	6.6%	0	0%	Cộng tổng	123	115	93%	8	7%	0	0%
-	Đánh giá chung về mức độ phát triển ở lĩnh vực ngôn ngữ	A1	27	26	96.3%	1	3.7%	0	0%	B1	31	28	90%	3	10%	0	0%
		A2	37	34	91.9%	3	8.1%	0	0%	B2	37	34	92%	3	8%	0	0%
		A3	33	31	93.9%	2	6.1%	0	0%	B3	27	25	93%	2	7%	0	0%
		A4	39	37	94.9%	2	5.1%	0	0%	B4	28	27	96%	1	4%	0	0%
		Cộng tổng	136	128	94.1%	8	5.9%	0	0%	Cộng tổng	123	114	93%	9	7%	0	0%
		A1	27	25	92.6%	2	7.4%	0	0%	B1	31	29	94%	2	6%	0	0%

Các lĩnh vực giáo dục		Lớp	Khối 5 tuổi							Lớp	Khối 4 tuổi						
			Đánh giá cuối kỳ 2 (lần 2)								Đánh giá cuối kỳ 2 (lần 2)						
			T.số trẻ được đánh giá	T.số trẻ "Đạt"		T.số trẻ "Cần cố gắng"		T.số trẻ "Chưa Đạt"			T.số trẻ được đánh giá	T.số trẻ "Đạt"		T.số trẻ "Cần cố gắng"		T.số trẻ "Chưa Đạt"	
				SL	%	SL	%	SL	%			SL	%	SL	%	SL	%
-	Đánh giá chung về mức độ phát triển ở lĩnh vực TCXH (TCKNXH-TM > NT)	A2	37	34	91.9%	3	8.1%	0	0%	B2	37	35	95%	2	5%	0	0%
		A3	33	31	93.9%	2	6.1%	0	0%	B3	27	26	96%	1	4%	0	0%
		A4	39	36	92.3%	3	7.7%	0	0%	B4	28	25	89%	3	11%	0	0%
		Cộng tổng	136	126	92.6%	10	7.4%	0	0%	Cộng tổng	123	115	93%	8	7%	0	0%
-	Đánh giá chung về mức độ phát triển ở lĩnh vực thẩm mỹ	A1	27	26	96.3%	1	3.7%	0	0%	B1	31	28	90%	3	10%	0	0%
		A2	37	35	94.6%	2	5.4%	0	0%	B2	37	35	95%	2	5%	0	0%
		A3	33	32	97.0%	1	3.0%	0	0%	B3	27	26	96%	1	4%	0	0%
		A4	39	37	94.9%	2	5.1%	0	0%	B4	28	26	93%	2	7%	0	0%
		Cộng tổng	136	130	95.6%	6	4.4%	0	0%	Cộng tổng	123	115	93%	8	7%	0	0%
-	Đánh giá chung về mức độ phát triển của trẻ	A1	27	26	96.3%	1	3.7%	0	0%	B1	31	29	94%	2	6%	0	0%
		A2	37	34	91.9%	3	8.1%	0	0%	B2	37	35	95%	2	5%	0	0%
		A3	33	32	97.0%	1	3.0%	0	0%	B3	27	25	93%	2	7%	0	0%
		A4	39	37	94.9%	2	5.1%	0	0%	B4	28	26	93%	2	7%	0	0%
		Cộng tổng	136	129	94.9%	7	5.1%	0	0%	Cộng tổng	123	115	93%	8	7%	0	0%

BẢNG TỔNG HỢP THEO DÕI SỰ PHÁT TRIỂN CỦA TRẺ LẦN II

NĂM HỌC 2024-2025

Các lĩnh vực giáo dục		Lớp	Khối 3 tuổi							Lớp	Khối nhà trẻ						
			Đánh giá cuối kỳ 2 (lần 2)								Đánh giá cuối kỳ 2 (lần 2)						
			T.số trẻ được đánh giá	T.số trẻ "Đạt"		T.số trẻ "Cần cố gắng"		T.số trẻ "Chưa Đạt"			T.số trẻ được đánh giá	T.số trẻ "Đạt"		T.số trẻ "Cần cố gắng"		T.số trẻ "Chưa Đạt"	
				SL	%	SL	%	SL	%			SL	%	SL	%	SL	%
-	Đánh giá chung về mức độ phát triển ở lĩnh vực thể chất	C1	21	20	95%	1	5%	0	0%	CT1	26	24	92%	2	8%	0	0%
C2		33	32	97%	1	3%	0	0%	CT2	33	30	91%	3	9%	0	0%	
C3		23	22	96%	1	4%	0	0%	CT3	28	24	86%	4	14%	0	0%	
.....																	
Cộng tổng		77	74	96%	3	4%	0	0%	Cộng tổng	87	78	90%	9	10%	0	0%	
-	Đánh giá chung về mức độ phát triển ở lĩnh vực nhận thức	C1	21	20	95%	1	5%	0	0%	CT1	26	25	96%	1	4%	0	0%
C2		33	31	94%	2	6%	0	0%	CT2	33	30	91%	3	9%	0	0%	
C3		23	22	96%	1	4%	0	0%	CT3	28	25	89%	3	11%	0	0%	
.....																	
Cộng tổng		77	73	95%	4	5%	0	0%	Cộng tổng	87	80	92%	7	8%	0	0%	
-	Đánh giá chung về mức độ phát triển ở lĩnh vực ngôn ngữ	C1	21	19	90%	2	10%	0	0%	CT1	26	24	92%	2	8%	0	0%
C2		33	31	94%	2	6%	0	0%	CT2	33	30	91%	3	9%	0	0%	
C3		23	22	96%	1	4%	0	0%	CT3	28	25	89%	3	11%	0	0%	
.....																	
Cộng tổng		77	72	94%	5	6%	0	0%	Cộng tổng	87	79	91%	8	9%	0	0%	
		C1	21	19	90%	2	10%	0	0%	CT1	26	24	92%	2	8%	0	0%

Các lĩnh vực giáo dục		Lớp	Khối 3 tuổi							Lớp	Khối nhà trẻ						
			Đánh giá cuối kỳ 2 (lần 2)								Đánh giá cuối kỳ 2 (lần 2)						
			T.số trẻ được đánh giá	T.số trẻ "Đạt"		T.số trẻ "Cần cố gắng"		T.số trẻ "Chưa Đạt"			T.số trẻ được đánh giá	T.số trẻ "Đạt"		T.số trẻ "Cần cố gắng"		T.số trẻ "Chưa Đạt"	
				SL	%	SL	%	SL	%			SL	%	SL	%	SL	%
		C2	33	30	91%	3	9%	0	0%	CT2	33	27	82%	6	18%	0	0%
		C3	23	22	96%	1	4%	0	0%	CT3	28	25	89%	3	11%	0	0%
																	
		Cộng tổng	77	71	92%	6	8%	0	0%	Cộng tổng	87	76	87%	11	13%	0	0%
-	Đánh giá chung về mức độ phát triển ở lĩnh vực thẩm mỹ	C1	21	19	90%	2	10%	0	0%	CT1							
		C2	33	31	94%	2	6%	0	0%	CT2							
		C3	23	22	96%	1	4%	0	0%	CT3							
																	
		Cộng tổng	77	72	94%	5	6%	0	0%	Cộng tổng							
-	Đánh giá chung về mức độ phát triển của trẻ	C1	21	19	90%	2	10%	0	0%	CT1	26	24	92%	2	8%	0	0%
		C2	33	31	94%	2	6%	0	0%	CT2	33	30	91%	3	9%	0	0%
		C3	23	22	96%	1	4%	0	0%	CT3	28	25	89%	3	11%	0	0%
																	
		Cộng tổng	77	72	94%	5	6%	0	0%	Cộng tổng	87	79	91%	8	9%	0	0%

UBND HUYỆN TIỀN LÃNG

TRƯỜNG MẦM NON TIỀN MINH

Các lĩnh vực giáo dục		Toàn trường						
		Đánh giá cuối kỳ 2 (lần 2)						
		T.số trẻ được đánh giá	T.số trẻ "Đạt"		T.số trẻ "Cần cố gắng"		T.số trẻ "Chưa Đạt"	
SL	%		SL	%	SL	%		
-	Đánh giá chung về mức độ phát triển ở lĩnh vực thể chất	423	398	94%	25	6%	0	0%
-	Đánh giá chung về mức độ phát triển ở lĩnh vực nhận thức	423	395	93%	28	7%	0	0%
-	Đánh giá chung về mức độ phát triển ở lĩnh vực ngôn ngữ	423	393	93%	30	7%	0	0%

Các lĩnh vực giáo dục		Toàn trường						
		Đánh giá cuối kỳ 2 (lần 2)						
		T.số trẻ được đánh giá	T.số trẻ "Đạt"		T.số trẻ "Cần cố gắng"		T.số trẻ "Chưa Đạt"	
			SL	%	SL	%	SL	%
		423	388	92%	35	8%	0	0%
-	Đánh giá chung về mức độ phát triển ở lĩnh vực thẩm mỹ	336	317	94%	19	6%	0	0%
-	Đánh giá chung về mức độ phát triển của trẻ	423	395	93%	28	7%	0	0%

Tiên Minh, ngày 23 tháng 04 năm 2025

HIỆU TRƯỞNG

PHÓ HIỆU TRƯỞNG

Nguyễn Thị Miên

Đỗ Thị Thu Mai